

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 18/4/2019.
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1971 và anh Mạc Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(*Anh Mạc Văn T ủy quyền cho chị Phạm Thị Y tham gia tố tụng*).

* *Bị đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H1, xã H2, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/01/2018, chị V có đến gia đình chị và đặt vấn đề với vợ chồng chị hỏi vay số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Khi vay tiền thì trực tiếp chị V là người viết giấy vay tiền tại nhà chị với nội dung: vay của vợ chồng chị là (Mạc Văn T và Phạm Thị Y) số tiền 1,2 tỷ, hạn 01 tháng sau sẽ trả (trả vào ngày 26/02/2018). Khi viết Giấy vay tiền, do nhầm lẫn nên chị V ghi nhầm ngày vay tiền thành ngày 25/01/2017 (thực tế ngày vay tiền là 25/01/2018). Chị đã giao đủ cho chị V số tiền 1.200.000.000đ tại gia đình chị.

Do là chỗ anh chị em chơi thân thiết với nhau, khi vay chị V có nói với vợ chồng chị là chỉ cần tiền trong thời gian 01 tháng, nếu khi nào vợ chồng chị cần số

tiền vay trên thì chỉ cần bảo với chị V thì 1 – 2 ngày sau chị V sẽ thu xếp trả nên vợ chồng chị và chị V cũng không thỏa thuận gì với nhau về lãi suất đối với số tiền vay trong thời hạn vay 1 tháng như chị V đã cam kết trong Giấy vay tiền.

Sau khi chị V vay tiền, khi hết thời hạn 01 tháng thì vợ chồng chị có yêu cầu chị V trả số tiền trên, nhưng chị V nói khó khăn nên chưa có tiền trả. Vợ chồng chị đòi rất nhiều lần thì chị V có hứa hẹn với vợ chồng tôi là mỗi tháng sẽ trả cho vợ chồng chị số tiền 50.000.000đồng; tuy nhiên chị V chỉ hứa như vậy nhưng không trả. Đến ngày 26 tháng 12 âm lịch năm 2018 (ngày 31/1/2019 dương lịch) thì do vợ chồng chị quá khó khăn nên đã nhiều lần gặp và đòi chị V, sau đó chị V đã thu xếp trả được cho vợ chồng chị số tiền 27.000.000đồng; khi trả tiền thì chị V trực tiếp đưa cho chị số tiền trên, giữa chị và chị V không viết giấy tờ gì về việc chị V đã trả cho chị số tiền trên, tuy nhiên chị xác định chị V đã trả 01 lần tiền gốc với số tiền 27.000.000đồng. Hiện tại chị V còn nợ vợ chồng chị số tiền 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*).

Chị yêu cầu chị V có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng chị số tiền 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*). Nếu như chị V thanh toán trả ngay được cho chị thì vợ chồng chị tự nguyện không yêu cầu chị V phải thanh toán tiền lãi suất tính từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay. Tuy nhiên nếu chị V không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán như đề xuất trên thì chị yêu cầu Tòa án buộc chị V phải trả cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền 1.173.000.000đồng còn lại và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định là 09%/01 năm đối với số tiền 1.200.000.000đ tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 26/02/2018 đến khi Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án.

*** Quan điểm của bị đơn:**

Do cần tiền để lo công việc cá nhân nên vào ngày 25/01/2018 chị có đặt vấn đề vào hỏi vay vợ chồng anh T, chị Y số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Khi vay tiền thì trực tiếp chị là người viết giấy vay tiền tại nhà anh T, chị Y với nội dung chị vay của anh T, chị Y số tiền 1,2 tỷ; hạn 01 tháng sau chị sẽ trả (trả vào ngày 26/02/2018). Tuy nhiên khi viết Giấy vay tiền, do nhầm lẫn nên chị ghi nhầm thành ngày 25/01/2017 (thực tế ngày vay là 25/01/2018). Chị đã nhận đủ của anh T, chị Y số tiền 1.200.000.000đ. Số tiền này chị vay để sử dụng vào công việc cá nhân, không liên quan gì đến việc chi tiêu, mua sắm phục vụ cho công việc gia đình.

Do là anh chị em chơi thân thiết với nhau, khi vay chị cũng chỉ cần tiền trong thời gian 01 tháng nên giữa chị và vợ chồng chị Y cũng không thỏa thuận gì với nhau về lãi suất vay. Số tiền trên chị sử dụng vào công việc cá nhân, nhưng sau đó phát sinh vấn đề không như mong muốn nên chị chưa thanh toán được cho vợ chồng chị Y số tiền đã vay theo cam kết. Sau khi hết thời hạn vay 01 tháng theo Giấy vay tiền thì vợ chồng chị Y có yêu cầu chị thanh toán, tuy nhiên do khó khăn nên chị chưa thanh toán được cho vợ chồng chị Y số tiền trên.

Tháng 12 âm lịch năm 2018 thì chị đã thu xếp trả tạm được cho vợ chồng chị Y số tiền 27.000.000đồng. Chị xác định còn nợ vợ chồng chị Y số tiền 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền còn lại cho vợ chồng chị Y, nhưng do hiện nay kinh tế của chị rất khó khăn nên chị đề nghị vợ chồng chị Y tạo điều kiện cho chị trả dần số tiền trên và không tính lãi suất đối với số tiền vay từ thời điểm chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Tại phiên hòa giải, các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc còn lại là 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*); không thống nhất được với nhau về phương thức trả tiền nợ gốc và lãi suất.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Phạm Thị V, xác định chị V là người trực tiếp vay tiền và viết giấy vay số tiền 1.200.000.000đ, đã trả được 27.000.000đ; số tiền nợ gốc mà chị V phải có nghĩa vụ thanh toán theo Giấy vay nợ chưa thanh toán là 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định là 09%/01 năm đối với số tiền vay tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 26/02/2018 đến khi Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án.

- Bị đơn là chị Phạm Thị V xác định do nhu cầu chi tiêu cá nhân nên ngày 25/01/2018 có vay của vợ chồng chị Y số tiền 1.200.000.000đ; số tiền vay này chị không sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt, mua sắm cho gia đình. Khi vay thì chị có cam kết sẽ trả trong thời hạn 01 tháng, tuy nhiên sau đó do kinh tế khó khăn nên chị chưa trả được. Ngày 31/01/2019 chị mới thu xếp trả được cho vợ chồng chị Y số tiền 27.000.000đ, hiện nay vẫn còn nợ số tiền 1.173.000.000đồng. Chị đề nghị chị V tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ và không tính lãi đối với số tiền trên; nếu chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì chị nhất trí mức lãi suất như chị V yêu cầu, nhưng hiện nay kinh tế của chị khó khăn nên chị không có điều kiện trả cho chị V tiền gốc cũng như tiền lãi.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết: Áp dụng Điều 274, 278, 280, 351, 357, 385, 398, 463, 464, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Y và anh Mạc Văn T. Buộc chị Phạm Thị V phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Y và anh Mạc Văn T số tiền nợ gốc còn lại là 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*); Chị Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước là 09%/01 năm đối với số tiền 1.200.000.000đ tính từ thời điểm vi phạm

nghĩa vụ trả nợ gốc, ngày 26/02/2018 đến ngày 31/01/2019 là 100.500.000đồng; tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước là 09%/01 năm đối với số tiền 1.173.000.000đ tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/4/2019 là 22.580.250đồng.

Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại chị Phạm Thị Y và anh Mạc Văn T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng dân sự nên thuộc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và quan điểm của các đương sự; xác định: Theo Giấy vay tiền do chị Phạm Thị V viết thể hiện có nội dung vay của anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y số tiền là 1.200.000.000đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), thời gian vay 01 tháng; thời điểm vay tiền là ngày 25/01/2017. Tuy nhiên chị Y, chị V đều xác định khi vay tiền do nhầm lẫn nên ghi nhầm thành ngày 25/01/2017; do vậy xác định hợp đồng vay tiền được thực hiện vào ngày 25/01/2018. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị V đều thừa nhận việc vay tiền của anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y là chị vay cá nhân; xác nhận chữ viết, chữ ký trong Giấy vay tiền là của mình.

Các đương sự đều xác định: Ngày 31/01/2019, chị V đã thanh toán cho vợ chồng chị Y số tiền 27.000.000đồng; do vậy, xác định số tiền chị V còn nợ vợ chồng chị Y là 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*). Khi hết hạn vay, ngày 25/02/2019 do chị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ nên phát sinh quyền yêu cầu khởi kiện đòi khoản tiền vay chưa thanh toán trên.

Quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa, giữa bên vay và bên cho vay thống nhất được với nhau về số tiền vay, số tiền đã thanh toán và lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán; chỉ không thống nhất về phương án thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y, buộc chị Phạm Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T, chị Y số tiền nợ gốc còn lại là 1.173.000.000đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*).

[3] *Về lãi vay:* Trong Giấy vay tiền nêu trên, các bên không thỏa thuận về lãi suất trong thời hạn vay; tuy nhiên khi hết thời hạn vay chị V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vay như đã cam kết, Nguyên đơn yêu cầu chị V phải thanh toán

tiền lãi đối với số tiền vay còn lại theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước là 09%/01 năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 26/02/2018 đến khi Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án.

Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay tiền (từ ngày 25/01/2018 đến 25/02/2018) thì các bên không có thỏa thuận gì về lãi suất đối với số tiền vay. Tuy nhiên khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng, do chị V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh nghĩa vụ chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm thanh toán khi Nguyên đơn yêu cầu nên phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn yêu cầu chị V phải thanh toán tiền lãi vay theo lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước là 09%/01 năm đối với số tiền gốc chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 26/02/2018 đến khi Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án; khi Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa thì chị V nhất trí mức lãi suất, nhưng không nhất trí trả tiền lãi vì điều kiện kinh tế khó khăn. Xét thấy mức lãi suất do Nguyên đơn yêu cầu và các đương sự thỏa thuận phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Xác định: Số tiền chậm thanh toán 1.200.000.000đ, tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 26/02/2018 đến 31/01/2019 với mức lãi suất 09%/01 năm; tiền lãi là: 100.500.000đồng. Sau khi chị V thanh toán số tiền nợ gốc 27.000.000đồng, số tiền nợ gốc còn lại là: 1.173.000.000đồng, tính lãi từ ngày 01/02/2019 đến ngày 18/4/2019; tiền lãi là: 22.580.000đồng. **Tổng tiền lãi là: 123.080.250đồng.**

Số tiền nợ gốc và tiền lãi chị Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y là: Tiền nợ gốc **1.173.000.000đồng** + tiền lãi **123.080.250đồng**. Tổng số tiền phải thanh toán là: **1.296.080.000đồng** (*Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi ngàn đồng-Đã làm tròn số*).

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Các Điều 274, 278, 280, 351, 357, 385, 398; 463, 464, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2/. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y.

Buộc chị Phạm Thị V phải thực hiện nghĩa vụ trả là cho anh Mạc Văn T và chị Phạm Thị Y số tiền nợ gốc còn lại là: **1.173.000.000**đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi vay tính từ ngày 26/02/2018 đến ngày 18/4/2019 là: **123.080.250**đồng. Tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: **1.296.080.000**đồng (*Một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi ngàn đồng-Đã làm tròn số*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị V phải chịu **50.882.400đ** (*Năm mươi triệu tám trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại chị Phạm Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0002064 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, Hải Dương.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Đã báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi gửi:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa